

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS-ST

Ngày: 31-10-2019

V/v: “Tranh chấp bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng về danh dự, nhân phẩm,
uy tín và hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tiến;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về danh dự, nhân phẩm, uy tín và hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trâm Bích N, sinh năm 1976 (*có mặt*).

Địa chỉ: Ấp Ông C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Trương Trọng Nh, sinh năm 1991 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Trúc G, sinh năm 1970 (*mẹ anh Nh, văn bản ủy quyền chứng thực ngày 22/8/2019, có mặt*).

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ Chí C, sinh năm 1978 (*chồng bà N, vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Ông C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho ông C: Bà Trần Bích N, sinh năm 1976 (vợ ông C, vẫn bản ủy quyền chứng thực ngày 10/9/2019, có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bà Nguyễn Trúc G, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Bích N là nguyên đơn trình bày:**

Khoảng tháng 8/2018, bà N có nhận vé số của Đại lý vé số kiến thiết Trúc G (viết tắt: Đại lý), địa chỉ khóm 6, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau để bán lẻ (tay em), người trực tiếp giao dịch mua bán vé số là anh Nh, với phương thức khoảng 17 giờ hàng ngày anh Nh mang vé số đến nhà bà N địa chỉ ấp Ông C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau giao cho bà N, bà N đi bán đến 12 giờ hôm sau thì bà N trực tiếp đến Đại lý vé số Trúc G trả tiền đổi với vé số bán được, còn lại vé số chưa bán thì bà N tiếp tục bán cho đến giờ xổ số. Đến 17 giờ anh Nh quay lại nhà bà N để giao vé số mới và nhận tiền đổi với các vé số mà lúc 12 giờ bà N chưa bán được. Mỗi ngày bà N nhận trung bình từ 600 – 700 tờ vé số/ngày. Khi nhận vé số, người thực chất đi bán là ông C (chồng bà N), khi nào ông C có việc thì bà N mới đi bán. Trong một tháng bà N đi bán khoảng 01- 02 lần, bán được khoảng 150 tờ, số vé số còn lại trong ngày và những ngày bà N không bán thì đều do ông C đi bán. Tiền tay em thu trên 01 vé số bán được là 1.000 đồng.

Ngày 02 tháng 6 năm 2019, anh Nh đăng tin lên mạng xã hội Facebook với nội dung tung tin bà N ăn cắp tiền vé số kiến thiết của Đại lý tổng cộng 12 triệu đồng, đến chiều ngày 05/6/2019 anh Nh mới gỡ tin nhắn. Việc đăng tin của anh Nh đã làm ảnh hưởng đến danh dự nhân phẩm bà N cụ thể là bà N không lấy được vé số của các Đại lý khác để bán, gây ảnh hưởng đến thu nhập kinh tế gia đình. Nay bà N yêu cầu anh Nh có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bà N (ông C và bà N) thu nhập thực tế bị mất là 32.000.000 đồng/02 người, bồi thường danh dự nhân phẩm cho bà, mức bồi thường theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 07/10/2019, bà N trình bày: Bà yêu cầu anh Nh có trách nhiệm bồi thường thu nhập thực tế bị mất cho gia đình (bà N, ông C) từ ngày 23/6/2019 đến ngày 08/8/2019 là 24.000.000 đồng (mỗi ngày 500.000 đồng/ngày/02 người), bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho bà và ông C là 14.800.000 đồng/02 người, ngoài ra bà N không yêu cầu thêm khoản tiền nào khác.

Ngoài ra, từ tháng 6/2018 đến nay, bà N có vay không lãi (mượn tiền) của bà G nhiều lần, trả góp hàng ngày. Thời điểm ngày 02/6/2019, bà N còn nợ bà G số tiền 9.090.000 đồng (trong đó có khoản tiền vé số mà bà N chưa thanh toán vào ngày 30/5/2019 là 2.500.000 đồng, tiền vay là 7.500.000 đồng) và đồng ý thanh toán khoản nợ này cho bà G.

**** Tại bản tự khai ngày 05/9/2019 của anh Trương Trọng Nh và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Trúc G là người đại diện của bị đơn trình bày:***

Anh Nh thừa nhận ngày 02/6/2019 có đăng tin lên mạng xã hội Facebook với nội dung bà N lừa đảo, ăn cắp tiền vé số kiến thiết tổng cộng 12 triệu đồng vì từ tháng 6/2018 đến ngày 02/6/2019 bà N nhiều lần mượn tiền (vay không lãi) của bà Nguyễn Trúc G (mẹ anh Nh) và ngày 29/5/2019, bà N nhận 280 tờ vé số của Đại lý vé số kiến thiết Trúc G hứa hẹn mà không thanh toán, anh Nh có điện thoại nhiều lần nhưng bà N không nghe máy, sự việc đăng tin đã bị Ủy ban nhân dân huyện N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của anh Trương Trọng Nh (Quyết định số 17/QĐ-XPVPHC ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện N).

Nay anh Nh không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà N vì những lời lẽ đăng tin không ảnh hưởng việc mất thu nhập của bà N và ông C, mỗi ngày bà N nhận khoảng 300 tờ vé số, thực tế ngày bà N đi cũng chỉ nhận 280 tờ vé số.

**** Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 03/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Trúc G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:***

Bà Trầm Bích N có nợ tiền vay không lãi (tiền mượn) của bà Nguyễn Trúc G và nợ tiền vé số của Đại lý với tổng số tiền 9.090.000 đồng, nay bà G yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền vé số và tiền vay còn nợ là 9.090.000 đồng.

Khoảng năm 2014, ông Võ Chí C có nhận vé số của Đại lý Trúc G về bán, ông C bán được vài tháng thì nghỉ bán và còn nợ Đại lý khoảng 2.000.000 đồng, tháng 7/2019 ông C đã trả cho bà G 01 triệu đồng, còn lại 01 triệu đồng thì ông C vẫn chưa thanh toán. Đối với khoản tiền này thì bà G không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Lúc đầu bà G không biết bà N là vợ ông C. Tháng 8/2018, khi bà N mượn tiền Đại lý vé số thì bà G mới biết bà N là vợ ông C, tại thời điểm này bà N cho rằng đã ly hôn với ông C rồi.

Giữa các đại lý vé số ở thị trấn N gồm Đại lý vé số Q, Phú Q, Trúc G có thỏa thuận với nhau là trường hợp tay em của ai thì người đó tự giữ, khi nào trả hết tiền nợ cho Đại lý thì mới có quyền đến Đại lý vé số khác để nhận vé số bán nên khi bà N đến Đại lý Q thì Đại lý Q có điện cho bà G để hỏi bà N còn nợ tiền của Đại lý Trúc G hay không, đối với Đại lý vé số Phú Q thì bà G xác nhận có liên lạc để hỏi thăm bà N có bán cho Đại lý vé số này hay không, việc Đại lý vé số Phú Q không cho bà N bán vé số là quyền của Đại lý, bà G không liên quan.

**** Tại bản tự khai ngày 30/8/2019 của ông Võ Chí C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quá trình giải quyết vụ án bà Trầm Bích N là người đại diện hợp pháp của ông C trình bày:***

Thời gian qua gia đình ông C có nhận vé số kiến thiết của Đại lý Trúc G về bán lẻ. Đến ngày 29/5/2019 bà Trầm Bích N (vợ ông C) có thông báo cho anh Trương Trọng Nh là tạm ngưng nhận vé số bán, lý do đi đám tang, anh Nh đồng ý nhưng đến 08 giờ 40 phút ngày 02/6/2019 anh Nh đăng tin lên mạng xã hội vu

không gia đình ông C với nội dung “Tôi con Ng nhập học hai vợ chồng anh cũng về thôi”, anh Nh cho rằng ông C cùng vợ là bà N ăn cắp tiền vé số rồi trốn khỏi địa phương. Do anh Nh đăng tin lên mạng xã hội vu khống, làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của ông C và bà N nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật. Trước đó gia đình ông C bán trung bình 500 tờ vé số/ngày, thu nhập mỗi ngày 500.000 đồng, số tiền mất thu nhập đến ngày 08/8/2019 là 32.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa:**

- Với tư cách là nguyên đơn, bà N trình bày: Yêu cầu anh Nh có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bà N thu nhập thực tế bị mất từ ngày 23/6/2019 đến ngày 08/8/2019 là 24.000.000 đồng/02 người (ông C, bà N), bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần đối với bà N là 10 tháng lương cơ sở bằng 14.900.000 đồng, bà rút lại một phần yêu cầu về khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông C là 7.400.000 đồng. Bà N xác định tin nhắn của anh Nh trên mạng xã hội Facebook chỉ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N.

Bà N xác định trước và sau khi bị xúc phạm danh dự, nhân phẩm thì bà N là Đảng viên đang C tác tại địa phương, làm thư ký của ban hòa giải, phụ trách Tổ tự quản, Hội chữ thập đỏ của ấp Ông C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau; Tiền hỗ trợ từ hoạt động này là 150.000 đồng, đối với hoạt động thư ký thì bà N được bồi dưỡng 200.000 đồng/01 vụ hòa giải thành, đối với vụ việc không hòa giải thành thì bà được bồi dưỡng 150.000 đồng/01 vụ. Từ ngày xảy ra việc bị xúc phạm danh dự nhân phẩm thì người dân không có gửi đơn đến Ban hòa giải. Bà N thừa nhận còn nợ bà G số tiền vay không lãi là 9.090.000 đồng và đồng ý thanh toán khoản nợ này.

Với tư cách là người đại diện hợp pháp của ông C, bà N trình bày: Khoản tiền ông C nợ Đại lý vé số Trúc G đã thanh toán xong, về khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông C thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Với tư cách người đại diện hợp pháp của bị đơn, bà G trình bày: Không đồng ý bồi thường khoản tiền mất thu nhập theo yêu cầu của bà Trâm Bích N vì bà N không bán vé số được là do bà N không thuyết phục các Đại lý vé số kiến thiết khác giao vé số về bán lẻ. Bà G đồng ý bồi thường tổn thất tinh thần cho bà N với số tiền là 9.090.000 đồng.

Với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà G bảo lưu yêu cầu độc lập, buộc bà N thanh toán cho bà số tiền vay không lãi là 9.090.000 đồng. Đối với khoản tiền 1.000.000 đồng ông Võ Chí C nợ Đại lý Trúc G vào ngày 10/10/2019 ông C đã thanh toán xong nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trâm Bích N, buộc anh Trương Trọng Nh bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần cho bà N bằng 03 tháng lương cơ sở là 4.470.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu về khoản tiền thu nhập thực tế bị mất từ ngày 23/6/2019 đến ngày 08/8/2019 là 24.000.000 đồng/02 người (ông C và bà G) và không chấp nhận một phần yêu cầu về khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần còn lại. Đề nghị chấp

nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà G, buộc bà N thanh toán cho bà G số tiền vay không lãi là 9.090.000 đồng. Bà N và ông C được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền yêu cầu về danh dự, nhân phẩm không được chấp nhận. Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà G được chấp nhận. Anh Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà G được nhận lại toàn bộ phần tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 8 năm 2019, bà Trầm Bích N yêu cầu anh Trương Trọng Nh bồi thường cho gia đình bà N (ông C và bà N) thu nhập thực tế bị mất là 32.000.000 đồng/02 người, bồi thường danh dự nhân phẩm cho bà mức bồi thường theo quy định của Nhà nước, ngoài ra bà N không yêu cầu thêm khoản tiền nào khác. Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 03/9/2019 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Trúc G yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền vay không lãi còn nợ là 9.090.000 đồng. Do đó tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về danh dự, nhân phẩm, uy tín và hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét về nội dung vụ án thấy rằng vào lúc 08 giờ 40 phút ngày 02 tháng 6 năm 2019 anh Trương Trọng Nh gửi tin cho ông C (chồng bà N) với nội dung “*A noi với N vợ a là toi đã gửi đơn lên C an thị trấn N trình báo. Bả lừa đảo ăn cắp tiền vé số kiến thiết tổng cộng 12triệu. tới con Ng nhập học 2 vợ chồng a cũng về thôi a.*” sự việc được anh Nh thừa nhận và Ủy ban nhân dân huyện N ra Quyết định số 17/QĐ-XPVPHC ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện N, xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi của anh Trương Trọng Nh, mức phạt là 7.500.000 đồng. Như vậy việc anh Nh đăng tin lên mạng xã hội Facebook xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà Trầm Bích N là có xảy ra.

Xét lời khai của bà Trầm Bích N cho rằng anh Nh vô cớ đăng tin lên mạng xã hội làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm, cụ thể là bà N không lấy được vé số của các đại lý khác để bán, gây ảnh hưởng đến thu nhập kinh tế gia đình. Tuy nhiên bà N, ông C và anh Nh đều xác định hành vi của anh Nh chỉ xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N, sự việc này phù hợp với hồ sơ mà C an thị trấn N cung cấp cho Tòa án.

Về lời trình bày của anh Nh thừa nhận có đăng tin lên mạng xã hội Facebook là có nguyên nhân chứ không phải vô cớ như bà N trình bày. Trước đây bà N nợ tiền vay của mẹ anh Nh là bà G, nợ tiền của 280 tờ vé số, anh Nh điện thoại cho bà N thì bà hẹn gặp anh Nh ở thành phố Cà Mau để trả nợ. Anh Nh đến nơi liên lạc với bà N thì bà N không bắt máy, anh Nh đợi 02 ngày nên bức xúc mới đăng tin lên mạng xã hội nhằm kêu bà N về trả nợ. Bà N thừa nhận bà và ông C đều nợ tiền của Đại lý vé số Trúc G, ông C nợ tiền từ năm 2016 đến ngày

10/10/2019 mới thanh toán xong, bà N nợ bà G số tiền vay không lãi đến nay chưa thanh toán là 9.090.000 đồng (trong đó tiền mượn 6.590.000 đồng và tiền vé số ngày 29/5/2019 bằng 2.500.000 đồng). Vì vậy bà N trình bày anh Nh vô có đăng tin lên mạng xã hội là không có cơ sở.

Xét về yếu tố lỗi của các bên thấy rằng, cả bà N và anh Nh đều có lỗi. Khi cả hai xảy ra mâu thuẫn, bà N và anh Nh nên dùng lời lẽ tế nhị để đối đáp lẫn nhau, nếu không thể tự giải quyết có thể nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Thấy rằng, anh Nh không tự kiềm chế được bản thân dẫn đến việc đăng tin xúc phạm bà N trên mạng xã hội và bà N là người có lỗi trước, bởi lẽ không thực hiện lời hứa thanh toán nợ cho bà G và anh Nh, hẹn gặp anh Nh ở Cà Mau nhưng bà N không đến, lẽ ra khi bà N đi đám tang (mẹ nuôi) thì bà N hoặc ông C nên liên lạc lại cho anh Nh để cả hai tìm phương án giải quyết nhưng bà N và ông C đều mất liên lạc từ ngày 30/5/2019 đến ngày 02/6/2019. Do các bên đều có lỗi trong việc xảy ra việc xúc phạm danh dự, nhân phẩm nên mỗi bên phải có trách nhiệm trong việc bồi thường các thiệt hại.

Xét yêu cầu của bà N: Bà N yêu cầu anh Nh có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bà N tổng số tiền là 38.900.000 đồng.

Xét từng yêu cầu: Tiền mất thu nhập của bà N và ông C từ ngày 23/6/2019 đến ngày 08/8/2019 là 24.000.000 đồng/02 người (mỗi ngày khoảng 500.000 đồng/ngày), thấy rằng tại tòa bà N khai từ khoảng tháng 8/2018, bà N có nhận vé số của Đại lý vé số Trúc G để về bán lẻ (tay em), người trực tiếp giao dịch mua bán vé số là anh Nh. Mỗi ngày bà N nhận trung bình là từ 600 – 700 tờ vé số/ngày, bà N không có làm biên nhận với Đại lý mà do chủ Đại lý ghi vào sổ theo dõi. Việc đăng tin của anh Nh đã làm bà N không lấy được vé số của các Đại lý khác để bán, gây ảnh hưởng đến thu nhập kinh tế gia đình.

Xét về quan hệ nhân quả giữa thiệt hại và hành vi, bà N cho rằng do anh Nh đăng tin lên mạng xã hội Facebook nói bà trộm tiền nên bà không lấy được vé số của các Đại lý khác để bán, gây ảnh hưởng đến thu nhập kinh tế gia đình. Lời trình bày của bà N là không có cơ sở vì qua làm việc với những người làm chứng (bút lục số 97, 104) thể hiện: Ông Tr và bà G có liên hệ với Đại lý vé số Phú Q nhưng việc Đại lý vé số Phú Q không cho bà N nhận vé số bán lẻ từ ngày 23/6/2019 đến ngày 09/8/2019 là do Đại lý tự bảo vệ quyền lợi cho mình, Đại lý không bị đe dọa hay bị gây khó khăn gì. Ngoài ra, tay em bất cứ lúc nào cũng được đến Đại lý nhận vé số về bán lẻ khi họ trả tiền mặt. Trường hợp, tay em không trả tiền mặt mà còn nợ tiền ở Đại lý vé số cũ thì họ phải thỏa thuận xong khoản nợ trước mới được đến Đại lý Phú Q nhận vé số về bán. Bà G cũng xác định trường hợp tay em của ai thì người đó tự giữ, khi nào trả hết tiền nợ cho Đại lý trước đó thì mới có quyền đến Đại lý vé số khác để nhận vé số bán. Như vậy việc bà N, ông C không được nhận vé số của Đại lý Phú Q là do trong thời gian này bà N, ông C còn nợ tiền Đại lý Trúc G và tại phiên tòa bà N xác định anh Nh không có liên lạc với Đại lý vé số Phú Q do đó việc mất thu nhập của bà N, ông C không phải do anh Nh gây ra.

Đối với lời trình bày về số lượng vé số của bà N cũng có mâu thuẫn, Tại

đơn khởi kiện bà N cho rằng mỗi ngày bà nhận từ 600 – 700 tờ vé số, tại phiên tòa bà cho rằng mức vé số nhận thấp nhất là 500 tờ, cao nhất là 1.000 tờ/ngày, bà N là người trực tiếp nhận vé số rồi chia cho ông C cùng bán chứ ông C không nhận trực tiếp từ Đại lý. Bà N không có chứng cứ chứng minh số lượng vé số bà nhận được mỗi ngày và số tiền thu nhập thực tế bị mất của ông C và bà là 500.000 đồng/ngày. Phía Đại lý vé số Trúc G có nộp cho Tòa án nhật ký số lượng vé số hàng ngày và qua làm việc với Đại lý vé số Phú Q thì cũng thể hiện bà N, ông C nhận lượng vé số thấp hơn so với lời trình bày của bà N, cụ thể là ngày cuối cùng (29/5/2019) bà N nhận vé số từ đại lý Trúc G chỉ có 280 tờ, nhận vé số của Đại lý Phú Q từ 500 - 600 vé nhưng trả lại từ 100 - 200 vé. Tại tòa bà N cũng khẳng định trong thời gian từ ngày 23/6/2019 đến ngày 09/8/2019, nếu bà và ông C nhận vé số ở Đại lý khác và trả tiền mặt thì vẫn được Đại lý mới giao vé số cho bán vì vậy không chấp nhận yêu cầu này của bà N là có căn cứ.

Xét yêu cầu khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần của bà N là 14.900.000 đồng. Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2019 bà N đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nh bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bà, mức bồi thường theo quy định của pháp luật; Tại biên bản hòa giải ngày 07/10/2019 bà yêu cầu bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho bà và ông C mỗi người bằng 05 tháng lương với tổng số tiền là 14.800.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà N rút một phần yêu cầu đối với khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông C; bà N thay đổi yêu cầu là buộc anh Nh có trách nhiệm bồi thường tổn thất tinh thần cho riêng bà với mức 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu và thay đổi mức bồi thường nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà N về khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho ông C bằng 7.400.000 đồng; nếu sau này bà khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà N không phải chịu án phí về yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Đối với yêu cầu thay đổi mức bồi thường tổn thất tinh thần của bà N được xem xét vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Bà N cho rằng việc anh Nh đăng tin lên mạng xã hội đã làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm của gia đình bà, khi giao tiếp ngoài xã hội thì mọi người hạn chế tiếp xúc và kỳ thị bà, mọi người cười chê nên bà cảm thấy xấu hổ. Lời khai này của bà N là có cơ sở. Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên, xét yếu tố lỗi trong việc anh Nh xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N thì thấy bà có lỗi trước, tin nhắn về bà N tồn tại 03 ngày, tin được gỡ bỏ vào ngày 05/6/2019 nên yêu cầu của bà chỉ được chấp nhận một phần bằng 05 tháng lương cơ sở, cụ thể là 7.450.000 đồng. Do anh Nh có lỗi trong việc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N, anh Nh là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm dân sự nên buộc anh Nh phải bồi thường tổn thất tinh thần cho bà N số tiền 7.450.000 đồng là phù hợp với quy định tại các điều 584, 586 và 592 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Trúc G thấy rằng: Bà G yêu cầu bà Trâm Bích N thanh toán khoản nợ tiền vay không lãi (tiền mượn) của Đại lý với số tiền 9.090.000 đồng, đây là khoản tiền vay không kỳ hạn, hình thức trả nợ

bằng cách trả góp hàng ngày. Tại phiên tòa, bà N xác định tại thời điểm ngày 02/6/2019, bà còn nợ bà G số tiền 9.090.000 đồng, trong đó có khoản tiền vé số vào ngày 30/5/2019 là 2.500.000 đồng, tiền vay là 6.590.000 đồng và đồng ý thanh toán các khoản nợ này cho bà G, theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc bà N có nợ của bà G và Đại lý vé số Trúc G số tiền vay gốc 9.090.000 đồng là sự thật, tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại các điều 463, 469 của Bộ luật dân sự. Việc tranh chấp nợ được phía bị đơn thừa nhận và đồng ý thanh toán nên Hội đồng xét xử ghi nhận là có cơ sở. Buộc bà Trầm Bích N có trách nhiệm thanh toán cho bà G số tiền vay gốc còn nợ là 9.090.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Đối với ông Võ Chí C: Bản tự khai ngày 30/8/2019 do bà N viết hộ ông C có nội dung “...*Tóm lại Trương Trọng Nh đăng lên mạng xã Hội làm ảnh hưởng đến nhân phẩm, quy tính, danh dự của tôi và vợ tôi thì tôi yêu cầu Tòa xử theo pháp luật hiện hành...*”... Quá trình giải quyết vụ án, ông C không làm thủ tục yêu cầu độc lập, căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét, giải quyết. Về khoản tiền nợ của Đại lý Trúc G, ông C đã thanh toán xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời khai của bà N phù hợp với lời trình bày của bà G về việc Đại lý vé số Trúc G liên lạc với Đại lý vé số Phú Q và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó không đưa ông Trương Văn Trung (chồng bà G) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Trương Trọng Nh chịu án phí đối với khoản tiền buộc phải bồi thường cho bà N; Bà N được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu về danh dự, nhân phẩm không được chấp nhận; Bà N không phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu được đình chỉ. Do yêu cầu độc lập của bà G được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí. Bà Nguyễn Trúc G được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát về khoản tiền bồi thường mất thu nhập của người khởi kiện và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là

có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, mức bồi thường về tổn thất tinh thần đối với bà N thì Hội đồng xét xử có điều chỉnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 584, 586, 592, 463, 468, 469 của Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 4, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Bích N. Buộc anh Trương Trọng Nh phải bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho bà N bằng 05 tháng lương cơ sở với số tiền 7.450.000 đồng (*Bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*).

[2]. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trần Bích N về việc đòi bồi thường tiền mất thu nhập của bà N và ông C là 24.000.000 đồng/02 người và khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho bà N bằng 05 tháng lương cơ sở là 7.450.000 đồng.

[3]. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà N về khoản tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho ông Võ Chí C bằng 7.400.000 đồng, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[4]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Trúc G. Buộc bà Trần Bích N thanh toán cho bà G số tiền vay vốn gốc là 9.090.000 đồng (*Chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

[5]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

- Anh Trương Trọng Nh chịu án phí với số tiền là 372.500 đồng.

- Bà Trần Bích N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với một phần yêu cầu không được chấp nhận và bà N không phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu được đình chỉ.

- Bà Trần Bích N phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà G được chấp nhận với số tiền là 454.500 đồng.

- Bà Nguyễn Trúc G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà G được nhận lại toàn bộ số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu

tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0006861 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn ngày 06 tháng 9 năm 2019.

[6]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền